

Bản án số: 113/2018/DS-PT

Ngày 07 - 6 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Ông Võ Kế Nghiệp

Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Phó D, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Số 46 TK, phường TMT, quận 1X, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Chu Quốc Ph, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Số 74 MTT, tổ 08 khu phố NB, thị trấn KL, huyện KL, Kiên Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số 677 đường số 05, khu phố CXM, thị trấn KL, huyện KL, Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Hoàng Phó D - Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Chu Quốc Ph trình bày:

Vào năm 2006, do chỗ thân quen bà Nguyễn Thị T có đến nhà ông Hoàng Phó D hỏi vay nhiều lần với số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, khi vay tiền bà T nói vay để mua đất tại xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay và để làm tin bà T có gửi cho ông D giữ một số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Sau khi vay bà T có trả cho ông D được hai lần tiền lãi vào năm 2006: Lần đầu được 12.000.000 đồng, lần sau được 9.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng. Sau đó bà T viện lý do mua đất có tranh chấp, nên gặp khó khăn về tài chính do phải thừa kiện chưa chuyển nhượng được, nên khát lãi cho đến khi nào bán xong đất sẽ trả lại cho ông D cả vốn lẫn lãi một lần.

Ngày 23/12/2007, bà T trả cho ông D được 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc, nhưng xin nợ lại tiền lãi và tiền gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) đến khi khởi kiện tranh chấp đất xong. Đến ngày 06/12/2009, bà T làm giấy khát nợ và ông D đã trả toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Ngày 22/08/2011, bà T tiếp tục làm giấy khát nợ. Tuy nhiên từ năm 2011 cho đến nay, ông D đã nhắc nhở nhiều lần, nhưng bà T không trả và có ý đồ chiếm đoạt số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) còn lại và tiền nợ lãi theo hợp đồng, do bà T biết ông D đã chuyển nhà về thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012, nên ít có thời gian để nhắc nhở chuyện nợ nần.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho ông D tiền vay 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu Tòa án tính lãi. Đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc NLQ là chồng bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Việc vay mượn tiền của ông Hoàng Phó D là do một mình bà đứng ra vay. Việc này bà T cam kết không dính líu đến chồng bà là NLQ (chồng bà không biết việc vay mượn).

Tháng 4/2005 bà vay của ông D và qua nhiều mốc thời gian thành 200.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, mục đích vay dùng làm chi phí khiếu kiện do đất đai bị chiếm dụng tại huyện GT. Đến ngày 02/5/2006, bà ký nhận nợ thêm 300.000.000 đồng cũng từ tiền gốc cùng lãi mà lên số tiền này. Tiếp tục theo thời gian lãi phát sinh thêm lên đến 450.000.000 đồng, mỗi lần có tiền bà T trả tiền mặt hoặc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến tháng 12/2007, bà Tâm trả 200.000.000 đồng nên đến nay ông D kiện yêu cầu bà trả 250.000.000 đồng, thì bà vẫn chấp nhận với lời hứa, nhưng ông D

hứa cho bà trả sau khi có tiền được đền bù từ tranh chấp đất của bà. Nay ông D khởi kiện là không có đạo đức, không có tình người.

Tóm lại: Việc thiếu ông D 250.000.000 đồng, bà không chối nhưng hai bên đã thỏa thuận:

- Sau khi được đền bù hoặc khiếu kiện đất thành công bà T sẽ trả hết, vì số đất tranh chấp rất lớn, kéo dài từ huyện lên tỉnh đến trung ương.

- Với mức lãi suất 3% trên tháng khởi đầu từ 200.000.000 đồng lên đến 450.000.000 đồng. Bà đã trả 200.000.000 đồng mà vẫn tiếp tục tính lãi rồi bội ước đi thưa bà.

- Với uy tín, đạo đức làm người bà sẵn sàng chịu thiệt thòi, đảm bảo tốt việc vay mượn, trả lãi đầy đủ. Ông D đã thu vốn vượt mức cả gốc lẫn lãi lại còn thừa bà.

Với lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật. Bà không phủ nhận việc thiếu nợ ông D mà có hứa sẽ trả sau khi được nhà nước bồi thường việc tranh chấp đất, mặc dù số nợ 250.000.000 đồng là oan ức đối với bà trong khi hoàn cảnh gia đình đang cảnh nợ nần và đau ốm vì lớn tuổi. Mong Tòa án xem xét: Tại biên nhận ngày 22/8/2011 do bà T không giữ thêm một bản biên nhận, chỉ có ông D giữ. Ông D đã tự ý gạch bỏ hai chỗ trong biên nhận là “nợ anh” và “tiền lãi” là không đúng sự thật khách quan, đây là những từ ngữ quan trọng.

Đồng thời bà có đơn phản tố yêu cầu ông Hoàng Phó D phải hoàn trả lại cho bà số tiền lãi mà bà đã đóng vượt so với quy định của pháp luật 315.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu phản tố, việc không yêu cầu Tòa án buộc bà T trả lãi là do hết thời hiệu nên chỉ buộc trả nợ gốc 250.000.000 đồng. Ngày 28/01/2018, bà T có đơn về việc yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

NLQ có đơn đề nghị với nội dung: Ông không hề có liên quan gì về vấn đề vay tiền vì ông không hề hay biết chuyện vay tiền của cá nhân bà T.

Với sự chứng kiến của vợ chồng ông D, NLQ khẳng định không hề có liên quan đến sự việc này. Vì vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện KL bỏ ông ra khỏi danh sách tham gia giải quyết vụ việc này. Ông không có liên quan cũng như nghĩa vụ giải quyết sự việc này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Phó D; Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T.

Xử buộc: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn B có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Hoàng Phó D.

Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu phản tố: Bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật. Về tiền tạm ứng án phí được xử lý theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí giám định chữ ký, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/3/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi số tiền 250.000.000 đồng thực chất là tiền lãi, chứ không phải tiền bà mượn nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà T yêu cầu ông D phải trả lại cho bà số tiền lãi mà bà đã đóng vượt so với quy định của pháp luật 315.000.000 đồng là yêu cầu phản tố là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì đây không phải là yêu cầu phản tố bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn, mà bà T phản đối về tiền lãi và trong phần Quyết định của bản án có tuyên bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật là không đúng cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Hoàng Phó D là ông Chu Quốc Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Qua nhiều lần vay tiền bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi như cam kết trong hợp đồng. Phía nguyên đơn chỉ thừa nhận bà T có đóng lãi hai lần là 21.000.000 đồng, phần nợ gốc bà T chỉ trả được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng cho đến nay vẫn không thanh toán.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc và T phải thanh toán số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì bà T thừa nhận có nợ số tiền 250.000.000 đồng là tiền lãi, chứ không phải là nợ gốc. Tuy nhiên, tại biên nhận ngày 22/8/2011 (BL 12) do bà T viết thể hiện “và số tiền còn thiếu lại là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc cộng tiền lãi chưa thanh toán”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T vẫn kiên quyết khẳng định số nợ 250.000.000 đồng, không phải nợ gốc, mà lãi từ khoản vay 300.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng cộng thành 250.000.000 đồng, nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn, vì số tiền 250.000.000 đồng, thực chất là tiền lãi, chứ không phải số tiền bà mượn nợ. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà T là không có cơ sở, ngoài các biên nhận nợ như đã phân tích, đánh giá nêu trên, thì tại giấy khất nợ ngày 06/12/2009 cũng khẳng định còn nợ ông D theo các biên nhận bà vay, không có bất cứ tài liệu nào thể hiện tiền lãi được nhận lại thành nợ gốc như bà T trình bày. Hơn nữa biên bản đối chất với khoản tiền lãi 4.000.000 đồng, bà T còn không nhớ là lãi của số nợ gốc nào? Nên không có căn cứ nào để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà T yêu cầu ông D phải trả lại cho bà số tiền lãi mà bà đã đóng vượt so với quy định của pháp luật 315.000.000 đồng là yêu cầu phản tố là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, vì đây không phải là yêu cầu phản tố bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của nguyên đơn, mà bà T phản đối về tiền lãi và trong phần Quyết định của bản án có tuyên bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật là không đúng cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, NLQ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho ông Hoàng Phó D là 250.000.000 đồng = 12.500.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Phó D được Tòa án chấp nhận, nên ông D không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông D.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Phó D.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tâm, NLQ có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) cho ông Hoàng Phó D.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, NLQ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001779 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng bà T, NLQ còn phải nộp thêm 4.625.000đ (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Hoàng Phó D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07615 ngày 12/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Do ông Chu Quốc Ph nộp thay).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001781 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang. Bà T không phải nộp thêm.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí giám định chữ ký 1.600.000 đồng theo phiếu thu số 345 ngày 19/7/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, ông Hoàng Phó D đã nộp xong, nhưng yêu cầu khởi kiện của ông D được Tòa chấp nhận. Nên buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, NLQ phải trả lại cho ông Hoàng Phó D 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện KL;
- THA dân sự huyện KL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Đình Thi